

Số: /KH-UBND

Phú Yên, ngày tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tỉnh Phú Yên đến năm 2030”

Thực hiện Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/ 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030”; Quyết định 1347/QĐ-BYT ngày 22/02/2021 và Công văn hướng dẫn số 7257/BYT-TCDS ngày 25/12/2020 của Bộ Y tế về triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình “Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tỉnh Phú Yên đến năm 2030”, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần thực hiện thành công Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 50% năm 2025, đạt 55% năm 2030 và giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

b) 60% cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập vào năm 2025, đạt 80% năm 2030.

c) Trên 95% cấp xã tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, buôn, tổ dân phố vào năm 2025 và duy trì năm 2030.

d) Trên 95% cấp huyện cơ sở y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện các biện pháp tránh thai lâm sàng; hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến dưới vào năm 2025 và duy trì năm 2030.

đ) Trên 95% cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người Dân thực hiện kế hoạch gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi: Triển khai trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, chú trọng vị thành niên, thanh niên, người lao động tại Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp.

- Đối tượng tác động: người dân trong toàn xã hội; ban, ngành, đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách

a) Triển khai thực hiện các chính sách về Dân số-KHHGD; hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật về chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên cơ sở hướng dẫn, quy định của Trung ương.

b) Xây dựng hệ thống: chỉ báo thống kê, giám sát; thông tin, cơ sở dữ liệu điện tử quản lý Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình dựa trên hệ thống chỉ báo thống kê, giám sát, cơ sở dữ liệu theo quy định.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD, có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn.

d) Thử nghiệm, phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Cập nhật, thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số cho lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền. Vận động, phát huy vai trò các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng thôn, buôn, người uy tín trong cộng đồng, các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

b) Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, chú trọng kênh thông tin đại chúng; tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, Internet, mạng xã hội trong tuyên truyền, vận động về kế hoạch hóa gia đình; lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các Chương trình, Đề án, Kế hoạch tại địa phương.

c) Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

d) Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản.

3. Phát huy mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

a) Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cơ bản; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; ưu tiên đầu tư cho vùng khó khăn, vùng có mức sinh cao.

b) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ kế hoạch gia đình tại các cơ sở y tế theo phân tuyến kỹ thuật trên cơ sở tăng cường đào tạo, đào tạo liên tục cho người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai; tập

huấn bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

c) Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; triển khai thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn.

d) Nghiên cứu triển khai thí điểm mô hình hỗ trợ sinh sản, dự phòng tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh theo hướng dẫn của Tổng Cục DS-KHHGD, Bộ Y tế.

đ) Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (LMIS).

e) Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về công tác kế hoạch hóa gia đình; kiểm định chất lượng phương tiện tránh thai, cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, lưu ý đến các cơ sở y tế tư nhân.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực thực hiện

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở, vùng khó khăn có mức sinh cao.

5. Nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KHHGD để tạo sự đồng thuận, ủng hộ và tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các tổ chức quốc tế; đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác liên doanh, liên kết trong và ngoài nước tham gia phối hợp thực hiện Chương trình.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách Trung ương: Phân bổ theo hàng năm;

- Ngân sách địa phương: Được bố trí trong dự toán hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của ngành đề thực hiện đạt mục tiêu kế hoạch đề ra; tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Ban Dân tộc: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan và địa phương triển khai các hoạt động củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với ngành y tế, các cơ quan thông tấn báo chí thông tin, tuyên truyền mạnh mẽ về chính sách dân số-KHHGD trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề nghị của Sở Y tế, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế tổng hợp, bố trí các nguồn kinh phí thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; lồng ghép hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trên cơ sở các nội dung định hướng của kế hoạch này phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa phương.

- Phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị triển khai kế hoạch tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung kế hoạch.

- Bố trí nhân lực, phương tiện, kinh phí thực hiện và các hoạt động theo điều kiện đặc thù của địa phương trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình - Sở Y tế).

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Tỉnh đoàn phối hợp tham gia các hoạt động triển khai và giám sát việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; nếu có vướng mắc, gửi văn bản về Sở Y tế (Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình) để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời, phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục DS-KHHGD;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT-TH, Báo Phú Yên;
- Chi cục DS-KHHGD tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX(Ty).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

